

Bản án số: **56/2021/HNGĐ – ST**

Ngày 24-9-2021

V/v “Ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC NINH, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Quyết

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Kim Phụng

2. Bà Trần Xuân Đạm

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Oanh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Như Mai Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 89/2021/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2021 về việc “ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2021/QĐXX-HNGĐ ngày 08 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị O**, sinh năm: 1966 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Vườn Bưởi, xã Lộc Thiện, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước

* Bị đơn: Ông **Võ Văn T**, sinh năm: 1964 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Bình Thạnh, xã Thành Thới B, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện ngày 19/01/2021 và bản tự khai nguyên đơn bà **Nguyễn Thị O** trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà O và ông Võ Văn T tự nguyện chung sống từ tháng 6 năm 1987, không đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống hòa thuận đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã nhau. Vợ chồng ly thân từ năm 2016 đến nay. Nay nhận thấy vợ chồng không thể tiếp tục sống chung được nữa nên bà O xin ly hôn với ông T.

Về con chung: Vợ chồng có 03 người con chung Võ Minh L, sinh năm 1988; Võ Minh T, sinh năm 1989 và Võ Thị Bé N, sinh năm 1994. Khi ly hôn các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà O và ông T không có tài sản chung.

Về nợ: Bà O và ông T không nợ ai và không ai nợ lại.

** Theo bản tự khai - bị đơn ông Võ Văn T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Ông T thống nhất lời trình bày của bà O về quan hệ hôn nhân, thời gian chung sống, về thời gian mâu thuẫn và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng. Nay bà O xin ly hôn thì ông T đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 03 người con chung Võ Minh L, sinh năm 1988; Võ Minh T, sinh năm 1989 và Võ Thị Bé N, sinh năm 1994. Khi ly hôn các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về tài sản chung: Bà O và ông T không có tài sản chung.

Về nợ: Bà O và ông T không nợ ai và không ai nợ lại.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh phát biểu ý kiến:*

- Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thực hiện thủ tục cấp tổng đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát, thành phần tham gia xét xử được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh không có kiến nghị gì về tố tụng.

- Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị O

+ Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị O và ông Võ Văn T

+ Về con chung: Con chung đã trưởng thành không xem xét, giải quyết.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị O có đơn khởi kiện ly hôn với ông Võ Văn T tại Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh để giải quyết theo thẩm quyền. Quá trình làm việc xác định ông Võ Văn T và bà Nguyễn Thị O thống nhất lựa chọn Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh giải quyết việc ly hôn cho ông bà nên vụ án thuộc thẩm quyền

giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn, bị đơn đã có ý kiến và văn bản đề nghị được xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

Bà Nguyễn Thị O và ông Võ Văn T sống chung với nhau vào tháng 6/1987 nhưng không đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống hòa thuận đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã nhau. Quá trình chung sống bà O và ông T có đủ điều kiện nhưng vẫn không đăng ký kết hôn. Theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “*Nam, nữ có điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...*”. Như vậy, việc bà O và ông T chung sống với nhau từ tháng 6 năm 1987 cho đến khi bà O nộp đơn khởi kiện ly hôn với ông T thì bà O và ông T vẫn không có đăng ký kết hôn là vi phạm khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình. Theo quy định khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “*Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này...*”. Vì vậy, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị O và ông Võ Văn T.

Về con chung: Vợ chồng có 03 người con chung tên là Võ Minh L, sinh năm 1988; Võ Minh T, sinh năm 1989 và Võ Thị Bé N, sinh năm 1994. Khi ly hôn các con đã trưởng thành và các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung: Bà O và ông T khẳng định không có và không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Bà O và ông T khẳng định không có và không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Như vậy bà O phải chịu số tiền án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát huyện Lộc Ninh là phù hợp nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 39 Bộ luật dân sự;
- Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 51, Điều 53, Điều 56 và Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình;
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị O

1/ Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị O và ông Võ Văn T.

2/ Về con chung: Các con đã trưởng thành và các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết trong vụ án.

3/ Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị O và ông Võ Văn T khẳng định không có và không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết trong vụ án.

4/ Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị O phải chịu 300.000 đồng án phí, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước theo biên lai thu tiền số: 019601 ngày 22/3/2021.

5/ Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKS huyện Lộc Ninh;
- THADS huyện Lộc Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Văn Quyết